

KẾ HOẠCH

Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2019

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Chương VIII Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Để chủ động trong công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật cấp trên, kịp thời phát hiện và xử lý những văn bản chưa phù hợp, trái pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh tỉnh Ninh Thuận năm 2019, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Việc kiểm tra văn bản nhằm kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kiến nghị cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thức xử lý; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công tác xây dựng, kiểm tra và xử lý văn QPPL.

2. Yêu cầu:

a) Công tác kiểm tra văn bản QPPL phải được tiến hành thường xuyên, toàn diện, đầy đủ, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình tự kiểm tra và kiểm tra.

II. NỘI DUNG

1. Tự kiểm tra, kiểm tra văn bản:

a) Tự kiểm tra quyết định QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

c) Các văn bản khác thuộc đối tượng kiểm tra văn bản

Ngoài các văn bản QPPL được quy định tại điểm a, b Khoản 1 Mục II Kế hoạch này, các văn bản khác thuộc đối tượng kiểm tra bao gồm: Văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực:

Khi xét thấy cần thiết phải kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực; Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch, thành lập Đoàn kiểm tra; đồng thời, thông báo bằng văn bản đến cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản được kiểm tra biết, để chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc cụ thể và phối hợp với Đoàn kiểm tra trong việc thực hiện kiểm tra văn bản, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Nội dung kiểm tra văn bản:

a) Thẩm quyền ban hành văn bản gồm thẩm quyền về hình thức và kiểm tra thẩm quyền về nội dung.

b) Nội dung của văn bản.

c) Căn cứ ban hành; thể thức, kỹ thuật trình bày; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

III. PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA

1. Kiểm tra văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến.

2. Kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm:

a) Sở Tư pháp

- Là đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

- Hằng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; báo cáo Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch; kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Gửi quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đến Sở Tư pháp và cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo để tự kiểm tra theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật.

c) Các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15/01/2019.

- Tổ chức tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Sở, Ban, ngành tham mưu, thuộc lĩnh vực quản lý của ngành và gửi báo cáo kết quả về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

- Kịp thời cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu cần thiết và phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật và thông báo kết quả xử lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 130 và Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra văn bản qpl của Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15/01/2019.

- Thường xuyên tự kiểm tra văn bản QPPL do mình ban hành; kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành và báo cáo kết quả về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

- Nghiêm túc thực hiện việc gửi văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành về Sở Tư pháp, để kiểm tra theo quy định tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây

dựng kế hoạch cụ thể, để thực hiện công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản tại địa phương thuộc phạm vi quản lý.

2. Chế độ báo cáo:

Các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình và gửi kết quả về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Nội dung báo cáo: thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Thời điểm chốt số liệu tính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2019.

c) Thời hạn gửi báo cáo: các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện tiến hành tự kiểm tra, kiểm tra và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra, kiểm tra đến Sở Tư pháp trước ngày 15/01/2020.

3. Kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

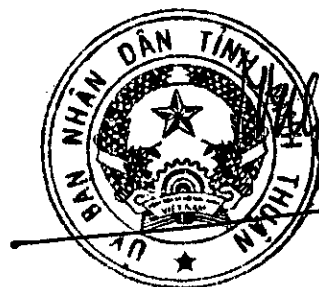
b) Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh thực hiện theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

Quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam (BTP) (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, TCDNC. TXS

CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vinh